

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 57/2024/HS-ST

Ngày: 10 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Mút

Ông Lương Phi Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2024/TLST-HS, ngày 20 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Nhật L, sinh ngày 10/10/1992 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Tổ E, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Mai Thị H (chết); sống chung như vợ chồng với chị Đặng Thị Anh T và có 02 người con (lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 08/QĐ-TA ngày 06/6/2019 đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng. Bị cáo vào Cơ sở cai nghiện ngày 15/6/2019 và tái hòa nhập cộng đồng ngày 18/12/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị **Trần Thị Anh X**, sinh năm 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ E, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Người chứng kiến:

1. Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

2. Anh **Mã Chí V**, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ, ngày 04/5/2024, Lê Nhật L điều khiển xe mô tô biển số 64H1-287.99 từ khóm Đ, phường Đ, thị xã B qua thành phố Cần Thơ để tìm mua ma túy sử dụng. Sau đó, L đến đầu lộ 20 thuộc quận N, thành phố Cần Thơ rồi chạy vào đường hẻm được khoảng 10 mét thì gặp 01 người thanh niên tên T1 (không rõ họ tên và địa chỉ) là người bán chất ma túy. Người nam thanh niên này hỏi L mua bao nhiêu ma túy, L trả lời “*lấy hộp 10*” có nghĩa là mua 01 bịch ma túy loại Methamphetamine với giá 6.000.000đ, thì người nam thanh niên này đồng ý. Sau đó, người nam thanh niên bán ma túy đi lại bụi cây gần đó lấy 01 bịch nylon trong suốt, loại bóp miệng, viền màu đỏ (bịch ma túy) đem lại đưa L thì L trả 6.000.000đ. L để bịch ma túy vào túi quần sau bên phải rồi điều khiển xe chạy về nhà trọ H2 thuộc tổ C, khóm Đ, phường Đ, thị xã B để thuê phòng trọ vào sử dụng ma túy. Khi L điều khiển xe vào nhà trọ H2 thì có lực lượng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh V kết hợp với Công an thị xã B tuần tra ngang nhìn thấy nghi vấn nên yêu cầu cho kiểm tra. L liền lấy từ trong túi quần sau bên phải ra 01 bịch nylon trong suốt, nẹp miệng viền đỏ, bên trong chứa chất rắn màu trắng là ma túy giao nộp lực lượng Công an nên Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với L.

Tang vật thu giữ: 01 bịch nylon, trong suốt, loại bóp miệng, viền màu đỏ bên trong có chứa tinh thể rắn (nghi là ma túy) đã được niêm phong có chữ ký xác nhận của Lê Nhật L; 01 xe mô tô biển số 64H1-287.99; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen có số sêri: F2MT2SKAHFY1, số imel: 355376087746587; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen số sêri: R9AMA0G3CBI, số imel1: 352233113791868, số imel2: 352234113791866 số thuê bao: 0939218643; số tiền 200.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Nhật L thu giữ: 03 ống thủy tinh, mỗi ống có 01 đầu uốn cong, thường gọi là “nỏ” là dụng cụ L dùng để sử dụng ma túy.

Cùng ngày lực lượng Công an thị xã B tiến hành đưa Lê Nhật L đến Trạm y tế phường C, thị xã B chất ma túy có trong cơ thể, kết quả cho thấy Linh dương T2 với chất ma túy loại Methamphetamine.

Theo kết luận giám định số: 268/KL-KTHS, ngày 07/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận: Mẫu chất rắn màu trắng bên trong 01 bịch nylon được niêm phong trong bao thư gửi giám định là ma túy, có khối lượng 9,9167 gam, loại Methamphetamine.

Đối với người thanh niên tên T1 đã bán ma túy cho L do không biết rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B chưa làm việc được.

Đối với xe mô tô biển số 64H1-287.99 là của chị Trần Thị Ánh X (chị cùng mẹ khác cha của bị cáo L), chị X mua xe của Đào Huy H1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 04/5/2024 chị X để xe ở trước nhà thì bị cáo L lấy chạy đi, sau đó đi mua ma túy sử dụng thì chị X không hay biết.

- Tại Cáo trạng số: 55/CT-VKSBM, ngày 19/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long truy tố Lê Nhật L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, bị cáo Lê Nhật L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

+ Về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lê Nhật L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Lê Nhật L mức án từ 06 đến 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 04/5/2024). Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử lý vật chứng theo biên bản về việc giao nhận chứng, tài sản ngày 22/8/2024, như sau:

Tịch thu tiêu hủy: 01 bao thư niêm phong số 268 ngày 08/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh V; 03 ống thủy tinh, mỗi ống có 01 đầu uốn cong.

Trả lại cho bị cáo L: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen có số sêri F2MT2SKAHFY1, số imel 1: 355376087746587; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen số sêri R9AMA0G3CBJ, số imel 1: 352233113791868, số imel 2: 352234113791866, có số thuê bao: 0939218643.

Trả lại cho chị Trần Thị Ánh X 01 xe mô tô biển số 64H1-287.99.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/8/2024).

Tiếp tục tạm giữ số tiền tang vật 200.000đ của bị cáo L đã nộp theo biên lai thu số 0005905 ngày 27/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long để đảm bảo cho việc thi hành án.

+ Về án phí:

Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Phần tranh luận*: Bị cáo và Kiểm sát viên không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo là xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về xã hội, lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai người chứng kiến và còn phù hợp với các vật chứng thu được, các biên bản hoạt động điều tra cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định:

Lê Nhật L là người nghiện ma túy. Vào khoảng 11 giờ 20 phút, ngày 04 tháng 5 năm 2024, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh V

kết hợp với Công an thị xã B trên đường tuần tra đến khu vực nhà trọ H2 thuộc Tổ C, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long thì nhìn thấy Lê Nhật L điều khiển xe mô tô biển số 64H1-287.99 chạy vào nhà trọ có biểu hiện nghi vấn tàng trữ trái phép chất ma túy nên lực lượng Công an yêu cầu L dừng xe để kiểm tra. L tự lấy trong túi quần sau bên phải ra 01 bìch nylon trong suốt, bóp miệng, viền màu đỏ bên trong có chứa tinh thể màu trắng là chất ma túy mà L đã mua trước đó để sử dụng cho bản thân. Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với L và thu giữ, niêm phong vật chứng. Ngoài ra lực lượng Công an khám xét nơi ở của L thu giữ 03 ống thủy tinh, mỗi ống có 01 đầu uốn cong, thường gọi là “nỏ” là dụng cụ L dùng để sử dụng ma túy.

Theo kết quả giám định số: 268/KL-KTHS ngày 07/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận: Mẫu chất rắn màu trắng bên trong 01 bìch nylon được niêm phong trong bao thư gửi giám định là ma túy, có khối lượng 9,9167 gam, loại Methamphetamine.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận Lê Nhật L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo như luận tội của Kiểm sát viên.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, không những xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ chất ma túy, mà còn làm mất trật tự, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe con người, làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác.

Bị cáo đã bị đưa đi cai nghiện bắt buộc trong thời gian dài nhưng khi trở về địa phương không biết tự kiềm chế bản thân, vẫn tiếp tục tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, nhằm răn đe, giáo dục để bị cáo có đủ thời gian cải tạo, sửa chữa trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Đồng thời qua đó nhằm đấu tranh, ngăn chặn và phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt bổ sung: Do hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Đối với vật và tài sản theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/8/2024, cần tịch thu tiêu hủy đối với vật cấm tàng trữ, lưu hành và tài sản không còn giá trị sử dụng. Đối với các loại giấy tờ, tài sản khác không có liên quan và không sử dụng vào việc phạm tội nên được hoàn trả lại cho chủ sở hữu.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đối với người thanh niên tên T1 đã bán ma túy cho bị cáo L hiện chưa biết rõ họ tên và nơi cư trú cụ thể. Khi nào Cơ quan điều tra xác minh, làm rõ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lê Nhật L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Lê Nhật L 06 (sáu) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 04/5/2024).

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng, tài sản: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bao thư niêm phong số 268 ngày 08/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh V; 03 (ba) ống thủy tinh, mỗi ống có 01 đầu uốn cong.

- Trả lại cho bị cáo L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen có số seri F2MT2SKAHFY1, số imel: 355376087746587 (imei 1); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen số seri R9AMA0G3CBBJ, số imel 1: 352233113791868, số imel 2: 352234113791866, có số thuê bao: 0939218643.

- Trả lại cho Trần Thị Ánh X 01 (một) xe mô tô biển số 64H1-287.99.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 22/8/2024).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền tang vật 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) của bị cáo L đã nộp theo biên lai thu số 0005905 ngày 27/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp TVL;
- Phòng hồ sơ CATVL;
- VKSND TX Bình Minh;
- CA TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TXBM;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Người TGTG khác (nếu có);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa